

Sản phẩm	Dầu thủy lực chống mài mòn Sinopec L-HM
Tóm tắt	Mô tả sản phẩm: Dầu thủy lực chống mài mòn (AW) Sinopec L-HM là loại dầu thủy lực cao cấp, sử dụng dầu gốc khoáng chất lượng cao được lựa chọn và tinh chế cẩn thận kết hợp với hệ thống phụ gia đa chức năng tiên tiến, và có các cấp độ nhớt rộng từ ISO 32 đến 150. Dầu thủy lực chống mài mòn (AW) Sinopec L-HM đã được thiết kế để đáp ứng các yêu cầu của các nhà sản xuất bơm thủy lực lớn trên thế giới, và các ứng dụng của nó bao gồm các hệ thống thủy lực được sử dụng trong công nghiệp và hàng hải cũng như trong các máy móc thiết bị thủy lực di động như xe công trình, xe xúc hầm mỏ....

ỨNG DỤNG:

Dầu thủy lực chống mài mòn (AW) **Sinopec L-HM** được:

- Ứng dụng rộng rãi cho các hệ thống thủy lực công nghiệp, hàng hải, các thiết bị cơ giới công trình xây dựng, khai thác hầm mỏ.
- Ứng dụng cho các loại bơm cánh gạt, bơm bánh răng hoạt động với áp suất cao theo khuyến cáo của nhà sản xuất bơm.
- Ứng dụng cho các hệ thống thủy lực khắc nghiệt, sử dụng bơm piston theo khuyến cáo của nhà sản xuất bơm.

ĐẶC ĐIỂM và LỢI ÍCH:

- Dầu thủy lực chống mài mòn (AW) **Sinopec L-HM** sử dụng dầu gốc chất lượng cao kết hợp với công nghệ phụ gia đa chức năng tiên tiến, tạo ra các đặc tính chống mài mòn, chống oxy hóa, chống gỉ, chống tạo bọt, chống bay hơi và khả năng khử nhũ rất tốt.
- Tính ổn định và khả năng lọc thủy phân (tách nước) tốt, đảm bảo tuổi thọ và hiệu suất của sản phẩm tối ưu, và ngăn chặn việc tắt bộ lọc.
- Việc đa dạng nhiều cấp độ nhớt đảm bảo độ nhớt tối ưu có thể được sử dụng cho bất kỳ dãy nhiệt độ hoạt động nào của hệ thống thủy lực.
- Tương thích hoàn toàn với các vật liệu làm kín (gioang, phớt...) phổ biến các hệ thống thủy lực, để kéo dài tuổi thọ của gioang phớt làm kín và ngăn ngừa sự rò rỉ của dầu.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Dầu thủy lực Sinopec L-HM					
Cấp độ nhớt ISO	32	46	68	100	150
Độ nhớt động học ở : ASTMD445 cSt @ 40°C	32.13	45.88	68.16	100.4	150.6
cSt @ 100 °C	5.43	6.77	8.83	11.26	15.28
Chỉ số độ nhớt VI ASTM D 2270	103	102	103	98	99
Thoát khí ở 50 °C, min, ASTM D 3427	4	5.2	8	—	—
Đặc tính tạo bọt, ASTM D 892, sequences 1, 2 and 3, ml/ml.	10/0 15/0 10/0	10/0 10/0 20/0	15/0 10/0 15/0	20/0 10/0 10/0	10/0 10/0 10/0
Trị số Axit TAN, mg KOH/g, ASTM D 974	0.69	0.72	0.71	0.72	0.69
Thử Tải trọng FZG test (A/8.3/90), DIN 51345	12	12	12	12	12
Đặc tính chống gỉ, ASTM D665 distilled water	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Ăn mòn lá đồng, 3 giờ @ 100°C, class, ASTM D 130	1b	1b	1b	1b	1b
Tách nước, min, ASTM D 2711	13 (54°C)	15 (54°C)	13 (54°C)	12 (82°C)	15 (82°C)
Điểm đông đặc, °C, ASTM D 97	-15	-15	-14	-13	-12
Điểm chớp cháy (COC), °C, ASTM D 92	228	230	245	245	260

Những dữ liệu này được đưa ra như là một chỉ số của các giá trị tiêu biểu và không phải là chi tiết kỹ thuật chính xác.

TIÊU CHUẨN và KHUYẾN CÁO CỦA NHÀ SẢN XUẤT THIẾT BỊ OEM:

Dầu thủy lực Sinopec L-HM đáp ứng các tiêu chuẩn:	
DIN	51524 Pt 2
GB ¹	11118.1-2011 (L-HM)
ISO	11158 (L-HM)

¹ Ghi chú: 'GB' là tiêu chuẩn quốc gia của Trung Quốc

Dầu thủy lực Sinopec L-HM đáp ứng các tiêu chuẩn và khuyến cáo của nhà sản xuất các thiết bị công nghiệp:	
Cincinnati (Fives Cincinnati)	P-68 (ISO 32), P-69 (ISO 68), P-70 (ISO 46)
Parker Denison	HF-0, HF-1, HF-2 (ISO 32, ISO 46, ISO 68)
Eaton Vickers	M-2950-S (ISO 46)

SỨC KHỎE và AN TOÀN:

Sản phẩm này không gây ra bất kỳ vấn đề sức khỏe khi được sử dụng trong các ứng dụng được đề xuất.

Đưa dầu đã qua sử dụng đến điểm thu gom quy định, không thải ra cống rãnh, mặt đất hay nguồn nước.